

Bản án số: 18/2022/HS-ST

Ngày: 29-4-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN YÊN, TỈNH YÊN BÁI**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Lâm

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Giàng A Chính

2. Bà Vương Thị Thu Lan

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Hiếu, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Công Thi, Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2022 tại Trụ sở tòa án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái, Tòa án nhân dân huyện Văn Yên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 11/2022/TLST-HS, ngày 10 tháng 3 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2022/QĐXXST-HS, ngày 01 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 04/2022/HSST-QĐ, ngày 14 tháng 4 năm 2022 đối với bị cáo:

Lê Văn B, Tên gọi khác: Không, sinh ngày 18/8/1986, tại huyện V, tỉnh Yên Bái; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Thôn Y, xã Y, huyện V, tỉnh Yên Bái; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: Lớp 5/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Văn T và bà Trần Thị V; Có vợ là: Vũ Minh H, sinh năm 1990 (đã ly hôn); Có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2007 con nhỏ nhất sinh năm 2017.

Tiền sự: Không. Tiền án: Tại bản án số 35/2017/HSPT, ngày 25/8/2017 Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái xử phạt 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 năm 06 tháng về tội: "hủy hoại tài sản" bị cáo đã chấp hành xong và được xóa án tích.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 02/11/2021 hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái. Có mặt

*** Người bị hại:**

Chị Nguyễn Thị Tuyết S, sinh năm 1982. Vắng mặt
Trú tại: Thôn T, xã A, huyện V, tỉnh Yên Bái

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

Chị Vũ Minh H, sinh năm 1990. Vắng mặt

Trú tại: Thôn Y, xã Y, huyện V, tỉnh Yên Bái

*** Người làm chứng:**

Anh Phạm Văn N, sinh năm 1983. Vắng mặt

Trú tại: Thôn Y, xã Y, huyện V, tỉnh Yên Bái

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 11/2019, Lê Văn B mua một chiếc xe ô tô tải nhãn hiệu Hoa Mai biển kiểm soát: 21C1-068.87; Đến tháng 5 năm 2020 B tiếp tục mua một chiếc xe ô tô tải ben nhãn hiệu Hoa Mai biển kiểm soát: 21C-072.83 mục đích để hoạt động kinh doanh, chở vật liệu xây dựng. Đầu tháng 6 năm 2020 Lê Văn B đã đặt làm giả 02 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô nêu trên thông qua mạng xã hội Facebook, mục đích để đưa cho lái xe mang theo khi tham gia giao thông tránh bị mất giấy tờ gốc. Quá trình kinh doanh bị thua lỗ, B có nhu cầu vay tiền nên đã nói chuyện với em họ là Phạm Văn N hỏi chỗ vay tiền. Do biết chị Nguyễn Thị Tuyết S cho vay tiền nên N đã giới thiệu cho B, khi vay tiền chỉ cần cầm cố giấy tờ là vay được tiền nên B đã nảy sinh ý định mang giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô giả đến để lừa, vay tiền của chị S.

Ngày 06/7/2020 Phạm Văn N đưa Lê Văn B đến gặp chị Nguyễn Thị Tuyết S, B đặt vấn đề vay số tiền 100.000.000 đồng và để lại một giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô để làm tài sản cầm cố, thế chấp, chị S đồng ý tuy nhiên ngoài hợp đồng cầm cố tài sản thế chấp chị S còn yêu cầu B viết giấy bán luôn chiếc xe và ký hợp đồng thuê lại xe thì chị S mới cho vay. Do đang cần tiền nên B đồng ý viết giấy tờ theo yêu cầu của chị S, tuy nhiên hai bên không thực hiện việc giao dịch mua bán xe mà chỉ hợp thức hóa trên giấy tờ để về sau nếu B không có tiền trả, thì chị S sẽ thu hồi chiếc xe mà B đã viết giấy tờ mua bán. Sau khi thống nhất, B đã ký hợp đồng cầm cố với chị S để vay số tiền 100.000.000 đồng và để lại giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô giả của xe ô tô Biển kiểm soát: 21C-072.83, tên chủ xe là Lê Văn B làm tài sản cầm cố, thế chấp.

Thấy chị S cho vay tiền dễ nên ngày 08/7/2020 B tiếp tục mang theo 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 079096 mang tên Lê Văn B; 01 chứng nhận đăng ký xe ô tô giả của xe ô tô biển kiểm soát 21C.068.87, tên chủ xe Lê Văn B và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô của xe ô tô Biển kiểm soát 21C-027.89 tên chủ xe Vũ Trung T1 (chiếc xe này B mua để phục vụ hoạt động kinh doanh, tuy nhiên B đã bán phế liệu từ năm 2018 và giữ lại giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô) đến gặp chị S đặt vấn đề vay số tiền 200.000.000 đồng, chị S đồng ý. B lại tiếp tục làm hợp đồng cầm cố tài sản thế chấp và để lại các giấy tờ trên, viết giấy bán xe cho chị S và làm hợp đồng thuê lại xe như lần trước để vay số tiền 200.000.000 đồng.

Tháng 12/2020 B gọi điện thoại cho chị S hỏi vay số tiền 100.000.000 đồng, chị S đồng ý nhưng chỉ chuyển khoản cho B 60.000.000 đồng qua tài khoản Ngân hàng mang tên Vũ Minh H (là vợ của B) Tài khoản ngân hàng này do vợ của B đứng tên đăng ký tuy nhiên B là người sử dụng. Đến tháng 01/2021 B tiếp tục gọi

điện thoại cho chị S hỏi vay số tiền 40.000.000 đồng, chị S nói “muốn vay thêm tiền thì lên viết giấy tờ thì chị cho vay thêm”. Do đang đi làm xa nên B gọi điện thoại về cho vợ là Vũ Minh H và bảo vợ đi lên nhà chị S viết giấy tờ lấy 40.000.000 đồng. Trưa ngày 26/01/2021 H gọi điện thoại cho chị S gặp chị S, H nói “Chồng em bảo gặp chị viết giấy tờ lấy thêm cho chồng em 40.000.000 đồng”. Chị S đồng ý, H đến nhà chị S, chị lấy 01 tờ hợp đồng cầm cố tài sản thế chấp đưa cho H và yêu cầu H viết giấy cầm cố tài sản là 01 chiếc xe tải ben biển kiểm soát: 21C.068.87 để vay số tiền 100.000.000 đồng (chiếc xe này B đã cầm cố giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô và viết giấy bán xe cho chị S vào ngày 06/7/2020). Đến ngày 28/01/2021 chị S chuyển vào tài khoản mang tên Vũ Minh H số tiền 40.000.000 đồng.

Đến cuối năm 2020 do đánh bạc trên mạng và kinh doanh thua lỗ, B đã bán 02 chiếc xe ô tô mang biển kiểm soát 21C-068.87 và 21C-072.83 mà không trao đổi với chị S.

Cơ quan điều tra đã tiến hành trưng cầu giám định đối với 03 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô mà Lê Văn B đã cầm cố, thế chấp cho chị Nguyễn Thị Tuyết S để vay tiền, tại bản kết luận giám định số 515/KLGĐ, ngày 26/9/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Yên Bái kết luận:

1. Giấy Chứng nhận đăng ký xe ô tô số 016503; tên chủ xe: Lê Văn B; địa chỉ: Y, V, Yên Bái; biển số đăng ký 21C-072.83, đề cấp ngày 26/5/2020 gửi giám định là Chứng nhận đăng ký xe ô tô giả.

2. Giấy Chứng nhận đăng ký xe ô tô số 014856; tên chủ xe: Lê Văn B; địa chỉ: thôn 11, Y, V, Yên Bái; biển số đăng ký 21C-068.87, đề cấp ngày 15/11/2019 gửi giám định là Chứng nhận đăng ký xe ô tô giả.

3. Giấy Chứng nhận đăng ký xe ô tô số 002165; tên chủ xe: Vũ Trung T1; địa chỉ: Tổ 19, M, Y, Yên Bái; biển số đăng ký 21C-027.89, đề cấp ngày 06/5/2015 gửi giám định là Chứng nhận đăng ký xe ô tô thật.

Tại phiên tòa bị cáo Lê Văn B đã thành khẩn khai nhận hành vi “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” như đã nêu trên. Bị cáo không có ý kiến tranh luận.

Bản cáo trạng số: 14/CT-VKS-VY ngày 09-3-2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái truy tố bị cáo Lê Văn B về tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm a, khoản 3, Điều 174 Bộ luật Hình sự và tội: “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” quy định tại điểm b, khoản 3, Điều 341 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái luận tội đối với bị cáo Lê Văn B và đề nghị hội đồng xét xử:

Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Lê Văn B phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”

+ Áp dụng điểm a, khoản 3, Điều 174; điểm b, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Văn B từ 07 năm 06 tháng đến 08 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”

+ Áp dụng điểm b, khoản 3, Điều 341; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Văn B từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”

Áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự tổng hợp hình phạt bị cáo Lê Văn B phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội 11 đến 12 năm tù.

Về vật chứng và án phí của vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo nhận thức được hành vi “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” của mình là vi phạm pháp luật và xin Hội đồng xét xử cho hưởng mức hình phạt thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Văn Yên, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều phù hợp với quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa người bị hại chị Nguyễn Thị Tuyết S có đơn đề nghị xét xử vắng mặt còn người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Vũ Minh H vắng mặt không có lý do nhưng đã có lời khai tại hồ sơ, căn cứ Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định của pháp luật.

[2] Lời khai của bị cáo Lê Văn B tại phiên tòa phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan cùng các tài liệu chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Như vậy có đủ cơ sở kết luận: Do đánh bạc trên mạng và làm ăn kinh doanh thua lỗ nên trong năm 2020 Lê Văn B đã sử dụng giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô giả và giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô không còn giá trị sử dụng đến gặp chị Nguyễn Thị Tuyết S để lừa đảo bằng hình thức cầm cố, thế chấp tài sản để chiếm đoạt số tiền 400.000.000 đồng của chị S. Hành vi của bị cáo Lê Văn B đã phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm a, khoản 3, Điều 174 Bộ luật hình sự và tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” quy định tại điểm b, khoản 3, Điều 341 Bộ luật hình sự.

[3] Xét hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ và xâm phạm đến hoạt động B thường của các cơ quan, tổ chức trong lĩnh vực quản lý hành chính của

Nhà nước về các loại giấy tờ, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Do đó cần đưa bị cáo ra xử lý nghiêm minh trước pháp luật.

[4] Xét về nhân thân, bị cáo Lê Văn B có sức khỏe, đủ năng lực nhận thức để điều chỉnh mọi hành vi, hoạt động của bản thân. Bị cáo biết rõ việc “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” là vi phạm pháp luật nhưng vì muốn có tiền nhanh chóng nên bị cáo đã phạm tội. Năm 2017 bị cáo bị Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái xử phạt 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 năm 06 tháng bị cáo đã chấp hành xong hình phạt, đến nay đã được xóa án tích, bị cáo không lấy đó làm bài học sửa chữa các khuyết điểm của bản thân mà tiếp tục phạm tội. Đây thể hiện sự coi thường pháp luật, ý thức tu dưỡng và rèn luyện bản thân của bị cáo là rất kém. Do đó cần có một mức hình phạt thỏa đáng, tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo. Cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian thì mới có thể giáo dục, cải tạo được bị cáo và phòng chống tội phạm nói chung.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ bị cáo thành khẩn khai báo, quá trình điều tra bị cáo đã bồi thường một phần cho người bị hại đây là những tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Do đó cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[6] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có tài sản, thu nhập nên không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Lê Văn B đã bồi thường cho người bị hại chị Nguyễn Thị Tuyết S tài sản tương đương với số tiền 267.000.000 đồng đến nay chị S yêu cầu B tiếp tục bồi thường số tiền còn nợ là 133.000.000 đồng tại phiên tòa Lê Văn B đồng ý bồi thường sự thỏa thuận này là hoàn toàn tự nguyện nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về vật chứng của vụ án: 01 Giấy Chứng nhận đăng ký xe ô tô giả số 016503; tên chủ xe: Lê Văn B; địa chỉ: Y, V, Yên Bái; biển số đăng ký 21C-072.83, đề cấp ngày 26/5/2020; 01 Giấy Chứng nhận đăng ký xe ô tô giả số 014856; tên chủ xe: Lê Văn B; địa chỉ: thôn 11, Y, V, Yên Bái; biển số đăng ký 21C-068.87, đề cấp ngày 15/11/2019; 01 Giấy Chứng nhận đăng ký xe ô tô thật số 002165; tên chủ xe: Vũ Trung T1; địa chỉ: Tổ 19, M, Y, Yên Bái; biển số đăng ký 21C-027.89, đề cấp ngày 06/5/2015 sau khi giám định được đóng vào bì thư của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Yên Bái và đưa vào hồ sơ vụ án nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Về nguồn gốc và đối tượng làm giả giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô: Lê Văn B khai nhận thông qua mạng xã hội Facebook B đã liên hệ và làm giả 02 giấy đăng ký xe ô tô nêu trên. Tuy nhiên, sau khi làm được giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô giả, B không còn liên lạc với đối tượng đó nữa nên không có căn cứ để xác minh, điều tra đối tượng đã làm giả giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô cho B nên Công an huyện Văn Yên không đề nghị xử lý là phù hợp.

[10] Đối với chị Vũ Minh H (là vợ của B) không biết việc B dùng giấy tờ giả vay tiền của chị Nguyễn Thị Tuyết S nên Cơ quan điều tra không đề nghị xử lý là

phù hợp.

[11] Bị cáo phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo, người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Lê Văn B phạm tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”

2. Về điều luật áp dụng và hình phạt:

+ Áp dụng điểm a, khoản 3, Điều 174; điểm b, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

- Xử phạt bị cáo Lê Văn B **08 (tám) năm** tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”

+ Áp dụng điểm b, khoản 3, Điều 341; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

- Xử phạt bị cáo Lê Văn B **04 (bốn) năm** tù về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”

+ Áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự tổng hợp hình phạt bị cáo Lê Văn B phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội **12 (mười hai) năm tù**.

Thời hạn tù tính từ ngày 02/11/2021 ngày tạm giam bị cáo.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 46; khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 357, Điều 463 và Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo Lê Văn B phải tiếp tục thanh toán trả cho chị Nguyễn Thị Tuyết S số tiền là 133.000.000 đồng (một trăm ba mươi ba triệu đồng)

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án. Cơ quan thi hành án ra quyết định thi hành án, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi phát sinh trên số tiền chưa thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Lê Văn B phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và 6.650.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm. Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày được thông đạt hợp lệ.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc thì bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện Văn Yên;
- Trại tạm giam CA tỉnh Yên Bái;
- CA huyện Văn Yên (02);
- Chi cục THADS huyện Văn Yên;
- Sở tư pháp tỉnh Yên Bái;
- Bị cáo; Bị hại; Người có QL&NVLQ;
- THA phạt tù (2);
- Lưu HS, TA.

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Nguyễn Đình Lâm

